

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66/2007/NQ-HĐND

Thanh Ba, ngày 25 tháng 12 năm 2007

## **NGHỊ QUYẾT**

### **Về chương trình "Giải quyết việc làm giai đoạn 2008 - 2011"**

#### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA**

#### **KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN**

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
- Sau khi xem xét Tờ trình số: 109/TTr-UB, ngày 14/12/2008 của UBND huyện về chương trình "Giải quyết việc làm giai đoạn 2008 - 2011"; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và thảo luận,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tán thành thông qua chương trình "Giải quyết việc làm giai đoạn 2008 - 2011" của UBND huyện tại Tờ trình số 109/TTr-UB ngày 14/12/2008. HĐND huyện nhấn mạnh những nội dung chủ yếu sau:

#### **I - ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GQVL GIAI ĐOẠN 2002 - 2007:**

5 năm qua, dưới sự lãnh đạo toàn diện của Huyện ủy, sự giám sát chặt chẽ của HĐND, sự chỉ đạo sâu sát của UBND huyện, sự phối kết hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị, xã hội, các đơn vị kinh tế và sự tham gia của toàn dân, nhiệm vụ GQVL giai đoạn 2002 - 2007 đã đạt được những kết quả bước đầu, quan trọng:

- Các cấp, các ngành, các cơ sở sản xuất đã tạo việc làm mới cho 7.984 lao động, bình quân mỗi năm có: 1.597 lao động.

- Cơ cấu lao động bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng lao động trong nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động trong công nghiệp - xây dựng; dịch vụ - thương mại.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với lao động trong độ tuổi có khả năng lao động tăng dần (từ 19,3% năm 2003 lên 26,8% năm 2007).

Tuy nhiên công tác GQVL còn bộc lộ những thiếu sót, khuyết điểm cần khắc phục, đó là:

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được GQVL còn thấp (5 năm: GQVL được: 7.984/18.169 lao động, tỷ lệ 43,9%).

- Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị (thị trấn) còn cao: 1,5%, tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn còn đạt thấp 80%.

- Cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn chuyển dịch chậm. Nguồn lao động tuy đông, nhưng trình độ tay nghề của người lao động thấp; đa phần là lao động phổ thông chưa qua đào tạo; đào tạo nghề chưa đáp ứng yêu cầu công việc, trong số lao động được đào tạo, tỷ trọng còn mất cân đối, tỷ lệ có việc làm chưa cao, chưa khai thác được năng lực của các trường dạy nghề của Trung ương, của tỉnh đóng trên địa bàn.

- Xây dựng kế hoạch GQVL còn thụ động, chưa cụ thể. Chưa chủ động "lồng ghép" chương trình giải quyết việc làm với các chương trình phát triển KT - XH của địa phương để tạo, mở việc làm tại chỗ, nhất là ở các khu vực nông nghiệp, nông thôn.

- Số người tham gia XKLD thời gian qua còn ít (bình quân 384 lao động/năm), chưa thực sự tương xứng với tiềm năng lao động của huyện.

## II - MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP GQVL GIAI ĐOẠN 2008 - 2011:

### 1. Mục tiêu:

#### a) Mục tiêu tổng quát:

Giải quyết việc làm phải gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng; dịch vụ - thương mại; giảm tỷ lệ lao động trong ngành nông, lâm nghiệp. Đảm bảo việc làm cho phần lớn lao động có nhu cầu làm việc.

Tập trung giải quyết số lao động không có việc làm, việc làm không ổn định, đặc biệt đối với các hộ nông dân mất đất sản xuất do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa của huyện.

Nâng tỷ lệ thời gian sử dụng lao động trong nông thôn; nâng cao năng suất, chất lượng lao động; sử dụng có hiệu quả số lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật, tăng cường đào tạo và giới thiệu việc làm cho người lao động vùng nông thôn.

#### b) Mục tiêu cụ thể 2008 - 2011:

- Giải quyết việc làm mới cho 7.500 đến 8.000 lao động, bình quân mỗi năm có từ 1.800 - 2.000 lao động có việc làm mới, trong đó: Xuất khẩu lao động: 900 lao động, bình quân mỗi năm 300 lao động.

- Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị từ 1,5% xuống 1%, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn từ 80% lên 85%.

- Cơ cấu lao động đến năm 2011: Nông lâm nghiệp: 72%; công nghiệp - xây dựng: 18%; thương nghiệp - dịch vụ: 10%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 35%; trong đó số lao động dưới 30 tuổi được đào tạo nghề đạt 50%.

### 2. Nhiệm vụ và giải pháp cơ bản:

**2.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và công tác tuyên truyền:**

Tăng cường công tác lãnh, chỉ đạo, xác định trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể đối với mục tiêu GQVL. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để mọi người nâng cao nhận thức, hiểu rõ, nhận thức đúng về lao động và việc làm với phương châm: Nhà nước tạo môi trường thuận lợi, người lao động nâng cao trách nhiệm trong việc GQVL cho mình và xã hội.

**2.2. Tập trung phát triển kinh tế, tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển, tạo cơ hội giải quyết việc làm cho người lao động thông qua các chương trình:****a) Phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản:**

Tiếp tục thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế mà trọng tâm là trong nông nghiệp, nông thôn. Lựa chọn đầu tư có trọng tâm, không dàn trải, điều chỉnh và thực hiện có hiệu quả các chương trình kinh tế trọng điểm trong nông nghiệp.

Phát huy lợi thế của các tiểu vùng, tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, ưu tiên sản xuất các sản phẩm có quy mô lớn và có thị trường tiêu thụ. Tăng cường ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật; phát triển giao thông, thủy lợi nội đồng, thủy lợi vùng đồi; đưa cơ giới hóa vào sản xuất, giải quyết tốt khâu giống, bảo vệ thực vật, thú y, khuyến nông, khuyến ngư, thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, nâng cao giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích.

Rà soát, đánh giá lại diện tích rừng phòng hộ, rừng kinh tế. Phấn đấu hàng năm trồng mới, trồng lại 150ha rừng. Chủ yếu là rừng nguyên liệu và khôi phục trồng rừng cây gỗ quý như lim, trồ v.v...

Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình. Tăng cường đầu tư và hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn nhất là giao thông, thủy lợi, chợ, cụm công nghiệp, làng nghề, đầu tư chợ công tác quy hoạch nông thôn, phát triển các ngành nghề dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu lao động. Tăng tỷ trọng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trong cơ cấu kinh tế, chú trọng công tác nước sạch và vệ sinh môi trường. Thực hiện tốt chương trình nông - lâm nghiệp, thủy sản lĩnh vực này sẽ GQVL cho khoảng 400 lao động/năm.

**b) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:**

Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển công nghiệp; tạo điều kiện để thu hút các nguồn vốn đầu tư vào các ngành có lợi thế như sản xuất VLXD, chế biến nông sản, thực phẩm, các mặt hàng, sản phẩm có thị trường tiêu thụ, có khả năng tạo nguồn thu cho ngân sách, đồng thời tạo điều kiện GQVL cho nhiều lao động. Ưu tiên phát triển các cụm công nghiệp phía Nam, phía Bắc huyện, các làng nghề như Đỗ Xuyên, Đông Lĩnh, Vũ Ân thu hút lao động. Thực hiện tốt chính sách khuyến công, đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp nhất là các ngành sử dụng nguyên liệu, lao động tại chỗ. Lĩnh vực này sẽ GQVL 800 lao động/năm.

**c) Phát triển thương mại - dịch vụ:**

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước và nâng cao chất lượng hoạt động thương mại, dịch vụ: Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, hội chợ kể cả hội chợ GQVL, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia mở xí nghiệp sản xuất và kinh doanh thương mại, dịch vụ; nâng cao chất lượng các mặt hàng phục vụ sản xuất và đời sống, đặc biệt là các mặt hàng được trợ giá, trợ cước phục vụ cho các xã miền núi. Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải; phối hợp với các ngành ở TW, tỉnh, đẩy mạnh tiên độ

triển khai các dự án mở rộng dịch vụ viễn thông, cải tạo mạng lưới điện. Đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động ngân hàng, các tổ chức tín dụng. Tiếp tục sắp xếp lại và mở rộng mạng lưới thương nghiệp dịch vụ đến các địa bàn nông thôn để cung ứng giống, vật tư kỹ thuật, phục vụ sản xuất và tiêu thụ nông sản hàng hóa cho nông dân. Hình thành một số chợ trung tâm hình thành một số siêu thị ở những nơi trung tâm huyện; từng bước triển khai xây dựng, khai thác tiềm năng du lịch tại một số khu di tích lịch sử, văn hóa, trên lĩnh vực này sẽ giải quyết việc làm cho 200 lao động/năm.

### **2.3. Giải quyết việc làm thông qua xuất khẩu lao động:**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng chủ trương chính sách của Nhà nước, của tỉnh về XKLD nhằm giúp cho nhân dân và người lao động nắm được đầy đủ thông tin, chính sách, quyền và nghĩa vụ của người đi XKLD. Duy trì và phát triển các thị trường hiện có, đầu tư, khai thác các thị trường tiềm năng như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đu Bai, Anh Quốc, Châu Phi. Ban chỉ đạo XKLD huyện tiến hành lựa chọn các doanh nghiệp XKLD đủ mạnh, có năng lực có uy tín và trách nhiệm đảm bảo cho người lao động đi XKLD có thu nhập cao, việc làm ổn định. Lĩnh vực này sẽ GQVL cho 300 lao động/năm.

### **2.4. Tích cực thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề:**

Thực hiện đề án phát triển mạng lưới dạy nghề đến năm 2010 và định hướng đến năm 2015 của UBND tỉnh Phú Thọ; khuyến khích các trung tâm GDTX, Trung tâm Bảo trợ TEMCKT, Trường cao đẳng nghề NN & PTNT đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề, tuyển dụng đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng, trình độ đội ngũ giáo viên, đổi mới nội dung chương trình giảng dạy để nâng cao tỷ lệ lao động có nghề, tạo điều kiện và cơ hội để GQVL.

Huy động các nguồn lực nâng cao năng lực dạy nghề, có chính sách khuyến khích đào tạo nghề cho XKLD (*phần đầu 50 - 60% lao động xuất khẩu có tay nghề*) phát triển tiểu thủ công nghiệp, tuyên truyền, khôi phục và phát triển nghề thủ công truyền thống. Tạo điều kiện cho các trung tâm giới thiệu việc làm trên địa bàn thành lập và phát triển. Tổ chức có hiệu quả chương trình quốc gia dạy nghề lao động đặc thù, dạy nghề cho nông dân, người nghèo, người tàn tật, để người sau khi học nghề có cơ hội tìm kiếm việc làm và tự tạo việc làm. Lĩnh vực này sẽ GQVL cho 200 lao động/năm.

### **2.5. Thực hiện có hiệu quả chương trình hỗ trợ GQVL cho người thất nghiệp, người thiếu việc làm:**

Từ mục tiêu của chương trình: Cho vay đối với các dự án thu hút, tạo mở việc làm tại chỗ, giúp các dự án phát triển SX gắn với GQVL. Các dự án cho vay vốn GQVL theo Nghị quyết 120/CP hàng năm bình quân: 1.100 tr.đ trong đó: Nguồn vốn mới bổ sung: 300 tr.đ, nguồn vốn thu hồi: 800 triệu đồng.

Lĩnh vực này sẽ GQVL cho 100 lao động/năm.

### **2.6. Huy động nguồn lực:**

Để thực hiện mục tiêu đến năm 2011: Giải quyết việc làm mới cho 2.000 người nguồn lực cần huy động mỗi năm khoảng: 40 tỷ, bao gồm:

- Từ nguồn ngân sách Nhà nước khoảng 25 tỷ: (thông qua nguồn vốn từ Quỹ quốc gia GQVL; Ngân hàng CSXH; nguồn vốn từ chương trình 135 đối với các khu ĐBKK; nguồn lực để thực hiện các đề án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn như:

Đề án phát triển làng nghề, GTNT; phát triển cây chè; xây dựng trường chuẩn, trạm chuẩn...).

- Từ nguồn vốn đối ứng của các đơn vị, doanh nghiệp và nhân dân đóng góp khoảng: 15 tỷ.

**Điều 2.** Giao UBND huyện xây dựng kế hoạch và tổ chức chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này.

Thường trực HĐND, các ban HĐND và đại biểu HĐND huyện tăng cường nhiệm vụ giám sát, kiểm tra thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị UB MTTQ và các đoàn thể nhân dân với chức năng nhiệm vụ của mình tăng cường phối hợp, tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND huyện Thanh Ba khóa XVII, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2007.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Khuya (Đã ký)**